TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 18/6/2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân:

1. Ông **Nguyễn Hữu Thành**

2. Ông **Trịnh Văn Thái**

***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Võ Chí Công** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh N** – sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Ông **Lê H** – sinh năm 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Cam Bình, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con ngày 02.12.2019 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, bà Nguyễn Thị Huỳnh N – nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh N và ông Lê H chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, thị xã L theo giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2009.

Trong thời gian chung sống giữa bà và ông H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bà không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và không cùng quan điểm sống. Từ tháng 6 năm 2018 bà N và ông H đã không

còn sống chung với nhau, bà N bồng con về nhà cha mẹ ruột bà ở tại khu phố 5, phường Tân An, thị xã L. Từ thời gian đó, giữa bà và ông H mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc hay chia sẽ những buồn vui trong cuộc sống như trước nữa. Bà N nhận thấy tình cảm bà dành cho ông H nay đã không còn, đời sống vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Lê H.

Về con chung: Bà N và ông H có 01 con chung là Lê Nguyễn Bảo U, sinh ngày 21/7/2010, hiện đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Bị đơn: Ông Lê H:

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng ông H không chấp hành.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Huỳnh N.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: là Lê Nguyễn Bảo U, sinh ngày 21/7/2010. Buộc ông Lê H phải cấp dưỡng nuôi con chung: Lê Nguyễn Bảo U, sinh ngày 21/7/2010 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu ly hôn, nuôi con của bà Nguyễn Thị Huỳnh N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã tiến hành tống đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của bà, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Huỳnh N và ông Lê H là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống chung, giữa bà N và ông H đã xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn lại, giữa ông bà hiện tại đã không còn tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau nên đã không còn sống chung. Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng ông H không chấp hành. Theo bà N trình bày: Mâu thuẫn giữa bà và ông H xảy ra gia đình có hòa giải nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa bà N vẫn kiên quyết ly hôn với ông H. Điều đó chứng tỏ giữa bà N và ông H không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Xét mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Huỳnh N là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến việc đảm bảo quyền lợi cho con về mọi mặt. Hiện nay, bà N đang trực tiếp nuôi con và vẫn đảm bảo được việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con, nên Hội đồng xét xử giao cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Lê Nguyễn Bảo U (Giới tính: nữ), sinh ngày 21/7/2010 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", nên buộc ông Lê H phải cấp dưỡng nuôi con chung: Lê Nguyễn Bảo U, sinh ngày 21/7/2010 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩmvề ly hôn, ông hùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 262; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Huỳnh N.

Bà Nguyễn Thị Huỳnh N được ly hôn với ông Lê H.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Lê Nguyễn Bảo U (giới tính: nữ), sinh ngày 21/7/2010.

Ông Lê H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3.Về cấp dưỡng: Buộc ông Lê H phải cấp dưỡng nuôi con chung: Lê Nguyễn Bảo U (giới tính: nữ), sinh ngày 21/7/2010 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

4.Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0022608 ngày 08/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Lê H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/6/2020). Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND xã Tân Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn